

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/02/2021

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh H.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Huế;

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1335/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1988 (có mặt).

Thường trú: Số 511, đường Quốc lộ 22, tổ 9, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Đào Minh Đ, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Thường trú: Số 628, đường Nguyễn Thị R, tổ 7, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 21/10/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H trình bày sự việc như sau:

Bà (Võ Thị Ngọc H) và ông Đào Minh Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyền số 01/2009 ngày 20/5/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại nhà của chị chồng ở xã P, huyện C. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chồng bà không lo làm ăn, thường hay đánh bà. Bà cố chịu đựng và cho chồng nhiều cơ hội nhưng chồng bà vẫn chứng nào tật nấy, không sửa đổi. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay; từ khi ly thân, chồng bà cũng không có biểu hiện hàn gắn hay níu kéo tình cảm. Nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên là Đào Minh K, sinh ngày 13/6/2011, hiện con chung đang sống với bà (vì nhà cha mẹ bà và nhà cha mẹ chồng gần nhau nên ban ngày thì con ở với mẹ, tối về thì con ngủ với ba), do trẻ K muốn sống chung với ba là ông Đ nên bà đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đào Minh Đ không có mặt nên không có lời khai của ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Đào Minh Đ hiện có địa chỉ tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn ông Đào Minh Đ mà không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Đào Minh Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Ngọc H và ông Đào Minh Đ kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2009 ngày 20/5/2009, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Tại đơn xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc H cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống tại nhà của chị chồng ở xã P, huyện C. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chồng bà không lo làm ăn, thường hay đánh bà. Bà cố chịu đựng và cho chồng nhiều cơ hội nhưng chồng bà vẫn chứng nào tật nấy, không sửa đổi. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, trong suốt thời gian sống ly thân, chồng bà cũng không có biểu hiện hàn gắn hay níu kéo tình cảm vợ chồng. Nhận thấy vợ chồng sống xa nhau đã lâu, không còn quan tâm, thương yêu nhau nên bà cương quyết xin ly hôn với ông Đ.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông Đ có nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà H cương quyết xin ly hôn với ông Đ vì không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn được nữa. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, ông Đ cũng không có mặt mà không có lý do, điều này thể hiện ông Đ không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà H và ông Đ không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà H là có cơ sở.

- Về con chung:

Bà H và ông Đ có 01 con chung tên là Đào Minh K, sinh ngày 13/6/2011, hiện con chung đang sống với bà H. Do con chung muốn sống với ông Đ nên bà H đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 03/8/2020, trẻ K có nguyện vọng được sống với ông Đ; tại phiên tòa, bà H cũng đồng ý giao trẻ Khang cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao trẻ Khang cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Xét thấy, tại phiên tòa ông Đ vắng mặt, tài liệu trong hồ sơ cũng không thể hiện ông Đ có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- *Tài sản chung:*

Bà H khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung:*

Bà H khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 81, khoản 1 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Ngọc H được quyền ly hôn với ông Đào Minh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2009 ngày 20/5/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp cho bà Võ Thị Ngọc H và ông Đào Minh Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Giao trẻ Đào Minh K, sinh ngày 13/6/2011 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H được quyền thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Bà H khai không có tài sản chung.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà H phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0085119 ngày ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, bà H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Đào Minh Đ) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương